

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 247/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **A**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện G, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Chị **B**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện G, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh A và chị B. (Giấy chứng nhận kết hôn số 66/2018 cấp ngày 08/6/2018 của Ủy ban nhân dân xã E, huyện G, tỉnh Bạc Liêu).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Anh A và chị B thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Anh A và chị B thỏa thuận thống nhất giao cháu C, sinh ngày 26/8/2016 cho chị B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng: Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con do chị B không có yêu cầu.

2.4. Về tài sản chung: Anh A và chị B tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Anh A và chị B thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.6. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được giảm 50% do hòa giải thành bằng 150.000 đồng, anh A tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai số 0005027 ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bạc Liêu; anh A được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã Châu Thới, huyện G;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hoàng Tính